

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Căn cứ Nghị định số 68/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy

ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng, ban, trung tâm trực thuộc;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Vinh). *Wang*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *Bu*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Thanh
Nguyễn Thành Diệu

QUY CHẾ

Quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức thuộc các cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội; đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc trong lực lượng vũ trang nhân dân và người làm việc trong tổ chức cơ yếu.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Giá trị pháp lý của văn bản điện tử được ký số

Giá trị văn bản điện tử được ký số theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 và Điều 5 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

Điều 3. Các loại văn bản ký bằng chữ ký số chuyên dùng công vụ

Tất cả các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước (trừ các văn bản mật), được ký bằng chữ ký số để trao đổi giữa các cơ quan nhà nước và trong nội bộ của mỗi cơ quan nhà nước.

Điều 4. Thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

Thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ được

quy định tại Điều 9 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ.

Chương II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG CÔNG VỤ, CHỨNG THƯ CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG CÔNG VỤ, THIẾT BỊ LƯU KHÓA BÍ MẬT VÀ DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG CÔNG VỤ

Điều 5. Quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ

1. Việc quản lý và sử dụng thiết bị lưu khóa bí mật (bao gồm: PKI Token hay còn gọi là USB, SIM PKI hay còn gọi là SIM điện thoại di động) và chứng thư số của cơ quan, tổ chức, cá nhân được thực hiện theo quy định tại Điều 32, Điều 33 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP, Điều 37, Điều 39 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP.

2. Chữ ký số chuyên dùng công vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân được chứng thực bởi Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ và chỉ được sử dụng trong hoạt động công vụ.

3. Khi cơ quan, tổ chức đề nghị sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ gồm: cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, gia hạn chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thay đổi nội dung thông tin của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật do Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp phải đồng gửi bằng văn bản về Sở Thông tin và Truyền thông để quản lý. Trường hợp thiết bị lưu khóa bí mật bị thất lạc, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP.

Điều 6. Cách thức sử dụng chữ ký số trên văn bản điện tử

1. Văn bản điện tử trước khi phát hành phải được ký số bằng chữ ký số chuyên dùng công vụ cá nhân của người có thẩm quyền ký văn bản và chữ ký số chuyên dùng công vụ của cơ quan, tổ chức do Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ cấp trong thời gian còn hiệu lực.

2. Ký số trên văn bản điện tử đi:

a) Kiểm tra nội dung, thể thức, chuyển định dạng văn bản điện tử: Văn bản điện tử sau khi được người đứng đầu hoặc lãnh đạo của đơn vị soạn thảo kiểm tra về nội dung, thể thức thì trình đến người có thẩm quyền ký duyệt văn bản. Trường hợp văn bản điện tử có định dạng không thể thực hiện ký số trực tiếp thì chuyển văn bản điện tử sang định dạng Portable Document Format (.pdf) để trình người có thẩm quyền ký duyệt văn bản.

b) Thực hiện ký số chuyên dùng công vụ cá nhân: Người có thẩm quyền ký văn bản sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ cá nhân của mình để ký văn bản và chuyển đến Văn thư. Vị trí, hình ảnh chữ ký số theo quy định tại Phụ lục I Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

c) Thực hiện ký số chuyên dùng công vụ cơ quan, tổ chức: Văn thư cơ quan, tổ chức kiểm tra thể thức văn bản điện tử; trường hợp văn bản điện tử đảm bảo thể thức theo quy định thì sử dụng ký số chuyên dùng công vụ của cơ quan, tổ chức để thực hiện ký số lên văn bản. Vị trí, hình ảnh chữ ký số theo quy định tại Phụ lục I Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

3. Ký số trên văn bản giấy đến:

Văn thư kiểm tra tính toàn vẹn, giá trị pháp lý của văn bản giấy đến, trường hợp văn bản giấy đến đảm bảo rõ ràng chính xác theo đúng quy định pháp luật thì Văn thư cơ quan, tổ chức sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ của cơ quan, tổ chức để ký sao y văn bản. Vị trí, hình ảnh chữ ký số theo quy định tại Phụ lục I Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

Điều 7. Kiểm tra tính hợp lệ của chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư số chuyên dùng công vụ

1. Quy trình và nội dung kiểm tra chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư số chuyên dùng công vụ thực hiện theo Điều 30, Điều 31, Điều 32 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP.

2. Văn thư kiểm tra tính toàn vẹn của văn bản, giá trị pháp lý của chữ ký số trên văn bản điện tử đến. Trường hợp văn bản điện tử đến được ký số đúng quy định thì phải tiếp nhận. Trường hợp văn bản điện tử đến được ký số không hợp lệ hoặc không đầy đủ theo quy định thì cơ quan, tổ chức nhận văn bản không tiếp nhận. Đồng thời, báo ngay người có trách nhiệm giải quyết và thông báo cho nơi gửi văn bản.

3. Văn bản điện tử lấy từ các Trang thông tin điện tử hoặc các nguồn khác cần được kiểm tra trước khi sử dụng theo địa chỉ: <https://neac.gov.vn/vi>.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số của các cơ quan, cá nhân trong phạm vi thẩm quyền quản lý.

2. Báo cáo định kỳ và đột xuất về Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Cơ yếu Chính phủ việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số trong các cơ quan nhà nước của tỉnh.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp

1. Tổ chức triển khai sử dụng có hiệu quả chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư số chuyên dùng công vụ đã cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý nhằm tăng cường trao đổi văn bản điện tử được ký bằng chữ ký số đã cấp thông qua phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và các hệ thống ứng dụng khác có liên quan đến việc sử dụng chữ ký số để xác thực.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư số chuyên dùng công vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý và các nội dung theo khoản 3 Điều 5 Quy chế này.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác quy định tại Điều 37 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

Thực hiện các quy định tại Điều 39 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP và Quy chế này.

Điều 11. Thủ trưởng, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức

1. Tổ chức triển khai sử dụng có hiệu quả chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư số chuyên dùng công vụ đã cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý. Các loại hình giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước quy định tại Điều 39 Luật Giao dịch điện tử phải được ký số theo quy định của pháp luật.

2. Thường xuyên kiểm tra nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư số chuyên dùng công vụ tại cơ quan, tổ chức được thực hiện theo Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

3. Đề nghị Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, gia hạn chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thay đổi nội dung thông tin của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Chịu trách nhiệm về tính chính xác thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ và khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số của tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 12. Trách nhiệm của chuyên trách công nghệ thông tin

1. Cài đặt phần mềm ký số, cập nhật phiên bản mới phần mềm ký số (nếu có), hỗ trợ kỹ thuật và hướng dẫn trong quá trình sử dụng chữ ký số cho cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp chứng thư số chuyên dùng công vụ.

2. Thường xuyên triển khai hoặc tham mưu các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin tại cơ quan.

3. Tham gia các chương trình chuyên giao, tập huấn, hướng dẫn ứng dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ do cơ quan cấp trên hoặc Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

4. Thiết kế ảnh thể hiện khóa công khai của tổ chức và lãnh đạo cơ quan có chức năng ký văn bản, đảm bảo đầy đủ các thông tin, quy định tại Phụ lục I Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

Chương IV**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 13. Điều khoản thi hành**

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan hướng dẫn, triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

